

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;
Theo đề nghị Sở Xây dựng tại Tờ trình số 442/TTr-SXD ngày 05 tháng 4 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép xây dựng; quy mô, chiều cao tối đa, thời gian tồn tại đối với công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan cấp giấy phép xây dựng; chủ đầu tư; tổ chức tư vấn xây dựng, thi công xây dựng và tổ chức, cá nhân liên quan đến cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

1. Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình nêu tại khoản 3 Điều này, bao gồm:

a) Công trình cấp I, cấp II;

b) Công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh;

c) Công trình quảng cáo gồm: Xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ $20m^2$ trở lên; xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên $20m^2$ kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn; bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ $40m^2$ trở lên;

d) Công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

đ) Công trình thuộc dự án.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại và nhà ở riêng lẻ ở đô thị, bao gồm cả nhà ở riêng lẻ trong khu vực đã được nhà nước công nhận bảo tồn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt và các công trình nêu tại khoản 1, khoản 3 Điều này.

3. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp giấy phép xây dựng các công trình nằm trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc phạm vi quản lý, trừ các công trình cấp đặc biệt.

4. Công trình do cơ quan nào cấp giấy phép xây dựng thì cơ quan đó điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi giấy phép xây dựng do cấp dưới cấp không đúng quy định.

6. Trường hợp đề nghị cấp giấy phép xây dựng cho dự án mà dự án đầu tư xây dựng gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan thực hiện cấp giấy phép xây dựng công trình cấp cao nhất có trách nhiệm cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại thuộc dự án.

Điều 4. Quy mô, chiều cao tối đa, thời gian tồn tại đối với công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Quy mô tối đa

a) Số tầng: 01 tầng trệt, 01 lửng bằng gỗ và 01 gác bằng gỗ (hoặc lửng, gác bằng: Thép hình liên kết hàn, hoàn thiện, lát gạch; vật liệu lắp ghép nhẹ tương tự khác, trừ bê tông cốt thép);

b) Kết cấu nhà là bán kiên cố và có các đặc điểm như sau:

	Kết cấu chính		
	Cột, dầm	Mái	Tường bao che
Vật liệu	1. Bê tông cốt thép; 2. Xây gạch/đá; 3. Sắt/thép/gỗ bền chắc; 4. Vật liệu tương tự khác.	1. Ngói (xi măng, đất nung); 2. Tấm lợp (xi măng, kim loại); 3. Vật liệu tương tự khác, trừ bê tông cốt thép.	1. Xây gạch/đá; 2. Gỗ/kim loại; 3. Vật liệu tương tự khác, trừ bê tông cốt thép.

2. Chiều cao tối đa:

a) Tầng trệt (khoảng cách tính từ nền tầng trệt đến mặt trên sàn của tầng gác trong tường hợp không có tầng lửng): Từ 3,9m đến 4,4m;

b) Tầng trệt + tầng lửng (khoảng cách tính từ nền tầng trệt đến mặt trên sàn của tầng gác trong tường hợp có tầng lửng): 6,2m;

c) Tầng gác (khoảng cách tính từ mặt trên sàn của tầng gác đến mặt dưới của trần mái): 3,6m;

d) Mái: Chủ đầu tư tự quyết định chiều cao đỉnh mái đảm bảo yêu cầu sử dụng theo từng loại kết cấu mái theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Thời gian tồn tại:

Thời gian được phép tồn tại của công trình, nhà ở riêng lẻ cho đến khi Nhà nước ra quyết định thu hồi đất để đầu tư xây dựng thực hiện quy hoạch xây dựng.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Xây dựng phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Ngoài việc phải tuân thủ theo Quyết định này, các đối tượng quy định tại Điều 2 phải thực hiện theo Luật xây dựng ngày 18/6/2014, Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng, Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan có ý kiến gửi về Sở Xây dựng để hướng dẫn

giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây dựng tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quyết định cho phù hợp.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 5 năm 2017 và thay thế Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa đổi khoản 2 Điều 3 Quy định một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- UBMTTQ tỉnh;
- VPUB tỉnh: CVP, các PVP;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTXD.

20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

